**NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN TOÁN KHỐI 5 – TUẦN 34**

**1dm3**

**BÀI: LUYỆN TẬP (TRANG 171 SGK)**

**Bài 1 SGK/ 171**

a) Tìm vận tốc của một ô tô, biết ô tô đó đi được 120km trong 2 giờ 30 phút.

b) Bình đi xe đạp với vận tốc 15km/giờ từ nhà đến bến xe mất nửa giờ. Hỏi nhà Bình cách bến xe bao nhiêu ki-lô-mét ?

c) Một người đi bộ với vận tốc 5km/giờ và đi được quãng đường 6km. Hỏi người đó đã đi trong thời gian bao lâu ?

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

Áp dụng các công thức:

   **v = s : t ;  s = v × t ;  t = s : v**

trong đó s là quãng đường, v là vận tốc và t là thời gian.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

a) Đổi: 2 giờ 30 phút = 2,5 giờ.

Vận tốc của ô tô là:

                 120 : 2,5 = 48 (km/giờ)

b) Nửa giờ = 0,5 giờ.

Quãng đường từ nhà Bình đến bến xe dài số ki-lô-mét là:

                15 × 0,5 = 7,5 (km)

c) Thời gian người đi bộ đi quãng đường 6km là:

                6 : 5 = 1,2 (giờ)

                1,2 giờ = 1 giờ 12 phút.

                            Đáp số: a) 48km/giờ ;

                                         b) 7,5km;

                                         c) 1 giờ 12 phút.

**Bài 2 SGK/ 171**

Một ô tô và một xe máy xuất phát cùng một lúc từ A đến B. Quãng đường AB dài 90km. Hỏi ô tô đến B trước xe máy bao lâu, biết thời gian ô tô đi là 1,5 giờ và vận tốc ô tô gấp 2 lần vận tốc xe máy?

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

Áp dụng các công thức:

   **v = s : t ;   t = s : v**

trong đó s là quãng đường, v là vận tốc và t là thời gian.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

**Cách 1:**

Vận tốc của ô tô là:

 90:1,5=60 (km/giờ)

Vận tốc của xe máy là:

 60:2=30 (km/giờ)

Thời gian xe máy đi quãng đường AB là:

 90:30=3 (giờ)

Ô tô đến B trước xe máy số thời gian là:

 3−1,5=1,5 (giờ)

 1,5 giờ = 1 giờ 30 phút.

 Đáp số: 1 giờ 30 phút.

**Cách 2:**

Ô tô đi từ Ađến B mất 1,5 giờ thì xe máy đi từ A đến B hết số thời gian là:

1,5×2=3 (giờ)

Ô tô đến B trước xe máy số thời gian là:

3−1,5=1,5 (giờ)

1,5 giờ = 1 giờ 30 phút.

Đáp số: 1 giờ 30 phút.

**Bài 3 SGK/ 171: Giảm tải**

----------------------------------------

**BÀI: LUYỆN TẬP (TRANG 172 SGK)**

**Bài 1 SGK/ 172**

Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{4} $chiều dài. Người ta dùng các viên gạch hình vuông cạnh 4dm để lát nền nhà đó, giá tiền mỗi viên gạch là 20 000 đồng. Hỏi lát cả nền nhà thì hết bao nhiêu tiền mua gạch ? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể).

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

- Tính chiều rộng nền nhà = chiều dài **×** $\frac{3}{4}$

- Tính diện tích nền nhà = chiều dài **×** chiều rộng.

- Tính diện tích 1 viên gạch hình vuông = cạnh **×** cạnh.

- Tính số viên gạch cần dùng = diện tích nền nhà **:** diện tích 1 viên gạch.

- Số tiền mua gạch = giá tiền 1 viên gạch**×** số viên gạch cần dùng.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

Chiều rộng nền nhà là:

                8 × $\frac{3}{4}$ = 6 (m)

Diện tích nền nhà là:

               8 x 6 = 48 (m2)

               48m2 = 4800dm2

Diện tích một viên gạch là:

               4 x 4 = 16 (dm2)

Số viên gạch để lát cả nền nhà là:

              4800 : 16 = 300 (viên gạch)

Lát gạch cả nền nhà thì hết số tiền là:

             20 000 x 300 = 6 000 000 (đồng)

                               Đáp số: 6 000 000 đồng.

**Bài 2 SGK/ 172: Giảm tải**

**Bài 3 (a, b):** Hình chữ nhật ABCD gồm hình thang EBCD và hình tam giác ADE có kích thước như hình dưới đây:



a) Tính chu vi hình chữ nhật ABCD.

b) Tính diện tích hình thang EBCD.

c) **Giảm tải**

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

Áp dụng các công thức:

- Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) ×2 .

- Diện tích hình thang = (đáy lớn + đáy bé) × chiều cao :2.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

a) Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

(84+28)×2=224 (cm)

b) Diện tích hình thang EBCD là:

       (28+84)×28 : 2 =1568 (cm2)
  Đáp số: a)  224 cm

                                              b)  1568 cm2

--------------------------------------

**BÀI: ÔN TẬP VỀ BIỂU ĐỒ (TRANG 173,174,175 SGK)**

**Bài 1 SGK/ 173:** Để biểu thị số cây do từng học sinh trong nhóm CÂY XANH trồng trong vườn trường có thể dùng biểu đồ dưới đây :

SỐ CÂY DO NHÓM CÂY XANH TRỒNG TRONG VƯỜN TRƯỜNG

**Dũng**

**Mai**

**Liên**

**Hoa**

**Lan**

**(Học sinh)**

(Số cây)

****

**8**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

**7**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

**5**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

**6**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

**4**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

**2**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

**3**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

**1**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

**0**

**7**

**6**

**5**

**4**

**3**

**2**

**1**

**0**

Dựa vào biểu đồ hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Có mấy học sinh trồng cây ? Mỗi học sinh trồng được bao nhiêu cây ?

b) Bạn nào trồng được ít cây nhất ?

c) Bạn nào trồng được nhiều cây nhất ?

d) Những bạn nào trồng được nhiều cây hơn bạn Dũng ?

e) Những bạn nào trồng được ít cây hơn bạn Liên ?

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

Quan sát biểu đồ để tìm số cây mỗi bạn trồng được, từ đó trả lời các câu hỏi của bài toán.
**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

 a) Có 5 học sinh trồng cây:

- Lan trồng được 3 cây.

- Hòa trồng được 2 cây.

- Liên trồng được 5 cây.

- Mai trồng được 8 cây.

- Dũng trồng được 4 cây.

b) Bạn Hòa trồng được ít cây nhất.

c) Bạn Mai trồng được nhiều cây nhất.

d) Bạn Liên, bạn Mai trồng được nhiều cây hơn bạn Dũng.

e) Bạn Lan, bạn Hòa, bạn Dũng trồng được ít cây hơn bạn Liên.

**Bài 2 SGK/ 174:**

**a) Hãy bổ sung vào các ô còn bỏ trống trong bảng dưới đây:**

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ Ý THÍCH ĂN CÁC LOẠI QUẢ CỦA HỌC SINH LỚP 5A

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại quả | Cách ghi số học sinh trong khi điều tra | Số học sinh |
| Cam |   | 5 |
| Táo |   | 8 |
| Nhãn |  | 3 |
| Chuối |  |  |
| Xoài |  | 6 |

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

Quan sát bảng đã cho để biết cách ghi số học sinh trong khi điều tra, từ đó vẽ biểu đồ hình cột tương ứng.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**



**b) Giảm tải**

**Bài 3 SGK/ 175:** **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:**

Biểu đồ dưới đây cho biết kết quả điều tra về ý thích chơi các môn thể thao của 4040 học sinh:



Học sinh thích bóng đá có khoảng:

**A.** 5 học sinh

**B.** 9 học sinh

**C.** 25 học sinh

**D.** 20 học sinh

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

- Quan sát biểu đồ ta thấy số học sinh thích đá bóng lớn hơn một nửa hình tròn.

- Ta tìm một nửa số học sinh là bao nhiêu học sinh rồi từ đó chọn đáp án đúng.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**
Hình quạt biểu thị số học sinh thích đá bóng lớn hơn một nửa hình tròn.

Một nửa số học sinh đó có số học sinh là:

           40:2=20 (học sinh)

Vậy số học sinh thích bóng đá lớn hơn 20 học sinh.

Mà 25>20. Do đó số học sinh thích bóng đá có khoảng 25 học sinh.

**Chọn đáp án C**

\*\*\*\*-------------------------\*\*\*\*

 **BÀI: LUYỆN TẬP CHUNG (TRANG 175 SGK)**

**Bài 1 SGK/ 175:** Tính:

a) 85793 – 36841 + 3826

b)$\frac{84}{100}$ - $\frac{29}{100}$ + $\frac{30}{100}$

c) 325,97 + 86,54 + 103,46

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

- Biểu thức chỉ có phép cộng và phép trừ thì ta tính lần lượt từ trái sang phải.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**
a) 85793 – 36841 + 3826

= 48952 + 3826

= 52778
b)$\frac{84}{100}$ - $\frac{29}{100}$ + $\frac{30}{100}$

=$\frac{55}{100}$ + $\frac{30}{100}$

= $\frac{85}{100}$ = $\frac{17}{20}$

c) 325,97 + 86,54 + 103,46

 = 412,51 + 103,46

= 515,97.

**Bài 2 SGK/ 173:** Tìm *x:*
a) *x* + 3,5 = 4,72 + 2,28
b) *x* – 7,2 = 3,9 + 2, 5

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

- Tính giá trị vế phải.

- Tìm *x* dựa vào các quy tắc đã học:

+ Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.

+ Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

a) *x* + 3,5 = 4,72 + 2,28

b) *x* – 7,2 = 3,9 + 2, 5
 *x* – 7,2= 6,4
  *x* = 6,4 + 7,2
 *x* = 13,6.

 *x* + 3,5 = 7
 *x* = 7 – 3,5
  *x* = 3,5

**Bài 3 SGK/ 173:** Một mảnh đất hình thang có đáy bé là 150m, đáy lớn bằng $\frac{5}{3} $đáy bé, chiều cao bằng $\frac{2}{5} $ đáy lớn. Hỏi diện tích mảnh đất bằng bao nhiêu mét vuông, bao nhiêu héc-ta ?

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

- Tính đáy lớn = đáy bé × $\frac{5}{3}$

- Tính chiều cao = đáy lớn × $\frac{2}{5} $

- Tính diện tích = (đáy lớn + đáy bé) × chiều cao : 2.

- Đổi số đo diện tích sang đơn vị héc-ta, lưu ý rằng 1*ha*=10000*m*2.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

Đáy lớn của mảnh đất là:
 150 x $\frac{5}{3}$= 250 (m)
Chiều cao của mảnh đất là:

 250 x $\frac{2}{5} $ = 100 (m)
Diện tích mảnh-đất hình thang là:

(250 + 150) x 100 : 2 = 20000m2
 20000m2 = 2ha
 Đáp số: 2ha.

**Bài 4 SGK/ 175: Giảm tải**

**Bài 5 SGK/ 175: Giảm tải**

 \*\*\*\*-------------------------\*\*\*\*

 **BÀI: LUYỆN TẬP CHUNG (TRANG 176 SGK)**

**Bài 1 SGK/ 176 (cột 1):** Tính:

1. 683 x 35
2. $\frac{7}{9}$ x $\frac{3}{35}$
3. 36,66 : 7,8
4. 16 giờ 15 phút : 5

**\* Cột 2 và cột 3: Giảm tải**

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

- Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép nhân hoặc phép chia số thập phân.

- Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

1. 683 x 35

$b)\frac{7}{9}$ x $\frac{3}{35}$ = $\frac{7 x 3}{9 x 35}$ = $\frac{21}{315}$ = $\frac{1}{15}$

683

x

 35

 3415

 2049

 23905

c)36,66 7,8

1. 16 giờ 15 phút 5

1 giờ = 60 phút 3 giờ 15 phút

 75 phút

 25

 0

 546 4,7

 0

**Bài 2 SGK/ 176 (cột 1): Tìm *x:***

1. 0,12 x *x* = 6  b) **Giảm tải**
2. 5,6 : *x* = 4  d) **Giảm tải**

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

Áp dụng các quy tắc:

- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

- Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**

a) 0,12 x *x* = 6 c) 5,6 : *x* = 4
 *x* = 6 : 0,12  *x* = 5,6 : 4
 *x* = 50  *x* = 1,4

**Bài 3 SGK/ 176 :** Trong ba ngày một cửa hàng bán được 2400kg đường. Ngày thứ nhất bán được 35% số đường đó, ngày thứ hai bán được 40% số đường đó. Hỏi ngày thứ ba cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki -lô-gâm đường ?

**\*PHƯƠNG PHÁP GIẢI:**

**Cách 1 :**

- Tìm số đường bán ngày thứ nhất, ngày thứ hai theo quy tắc:

Muốn tìm a% của B ta có thể lấy B chia cho 100 rồi nhân với a hoặc lấy B  nhân với a rồi chia cho 100.

-Số đường bán ngày thứ ba = số đường bán trong ba ngày − số đường bán ngày thứ nhất − số đường bán ngày thứ hai.

**Cách 2 :**

- Tìm tỉ số phần trăm của số đường bán ngày thứ ba so với tổng số đường bán trong ba ngày.

- Tìm số đường bán ngày thứ ba theo quy tắc:

Muốn tìm a% của B ta có thể lấy B chia cho 100 rồi nhân với a hoặc lấy B  nhân với a rồi chia cho 100.

**\* LỜI GIẢI CHI TIẾT**
**Cách 1 :**

Ngày thứ nhất cửa hàng bán được số ki-lô-gam đường là:

              2400 : 100 × 35 = 840 (kg)

Ngày thứ hai cửa hàng bán được số ki-lô-gam đường là:

               2400 : 100 × 40 = 960 (kg)

Ngày thứ ba cửa hàng bán được số ki-lô-gam đường là:

               2400 – (840 + 960) = 600 (kg)

                                Đáp số: 600kg đường.

**Cách 2 :**

Số đường bán được ngày thứ ba chiếm số phần trăm số đường bán được trong cả ba ngày là:

             100% – (35% + 40%) = 25%

Ngày thứ ba cửa hàng bán được số ki-lô-gam đường là:

            2400 : 100 × 25 = 600 (kg)

                               Đáp số: 600kg đường.

**Bài 4 SGK/ 176 : Giảm tải**

**------------------------------------------**